

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 211/2019/DS-ST

Ngày: 26 – 11– 2019

“V/v tranh chấp nợ hụi ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến;

2. Ông Võ Sĩ Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019, về việc “tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 844/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Công L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp S, xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau. (theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019) (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956;

Anh Bùi Hoàng A (Hoàn A). (vắng mặt)

Cùng địa chỉ : Số 2A, đường L khóm 5, phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của bà L: ông Bùi Tấn T, sinh năm 1952. Địa chỉ cư trú: Số 2A, đường L, khóm 5, phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/8/2019). (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2A, đường L khóm 5, phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Dương Công L trình bày: Ngày 30/01/2013 (âm lịch), bà Nguyễn Thị N có mở dây hụi mùa 5.000.000 đ (năm triệu đồng), hụi gồm 12 chung, 12 hụi viên, hụi 06 tháng khai 01 lần. Hụi đến ngày 30/8/2018 (âm lịch) là mãn. Ông Bùi Hoàng A tham gia 01 chung, đóng hụi sống được 03 lần rồi hốt, hốt được số tiền 32.600.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì ông Bùi Hoàng A phải đóng hụi chết 08 lần, mỗi lần là 5.000.000 đồng, ông Hoàng A đã đóng được 04 lần, còn lại 04 lần thì ông Hoàng A không đóng với số tiền 20.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột ông Hoàng A đứng ra nhận tiền và chính bà L viết tờ cam kết nếu không đóng hoặc đóng trễ thì sẽ thế chấp cho bà N 03 công đất ruộng để đóng tiền cho các hụi viên. Tuy nhiên, đến nay ông Hoàng A và bà L không thực hiện đúng cam kết đã viết.

Nay bà N yêu cầu ông Bùi Hoàng A và bà Nguyễn Thị L liên đới trả cho bà số tiền hụi chết còn nợ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Dại diện cho bà Nguyễn Thị L ông Bùi Tấn T trình bày: Bùi Hoàng A là con trai của bà L và ông T. Nhân dịp bà L xuống nhà Hoàng A thăm cháu nội thì bà N có lại giao hụi tại nhà Hoàng A tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau và bà L có chứng kiến việc bà N giao tiền hụi cho chị T là vợ Hoàng A, khi này không có Hoàng A ở nhà, còn việc Hoàng A và chị T có chơi hụi gì, loại hụi bao nhiêu và hốt được bao nhiêu tiền, còn nợ hụi chết hay không thì bà L không biết. Đến khi vợ chồng Hoàng A với T bất đồng quan điểm, T bỏ nhà đi thì chồng bà là ông T có đến nhà bà N thỏa thuận hụi với bà N là xin trả dần mỗi năm trả 1.000.000 đồng nhưng bà N không đồng ý. Tờ cam kết năm 2014 (âm lịch) là do bà viết thay Hoàng A theo yêu cầu của bà N. Hiện nay nợ này là nợ của Hoàng A và chị T, không có liên quan đến bà L nên trách nhiệm trả nợ thuộc về Hoàng A và chị T. Hiện Hoàng A đang đi làm công nhân ở Bình Dương nhưng bà không có địa chỉ cụ thể, Hoàng A cũng có về thăm con tại địa chỉ Số 2A, đường L, khóm 5, phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau. Do vậy, bà L không đồng ý trả nợ hụi theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Bùi Hoàng A, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử lần thứ hai nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng A, chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ trA chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đặt ra được xác định là trA chấp về nợ hụi nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị L và anh Bùi Hoàng A thanh toán tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng. Bị đơn bà L không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn do bà cho rằng đây là nợ hụi của vợ chồng con trai bà là Hoàng A và T không liên quan đến nghĩa vụ thA toán của bà. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn có mở 01 đây hụi loại hụi mùa 5.000.000 đồng, 06 tháng khui một lần và Hoàng A có tham gia 01 chân và có hốt hụi vào ngày 20/8/2014 (âm lịch), lời trình bày này của nguyên đơn là có thật phù hợp với “biên bản thỏa thuận hợp đồng giao dịch hụi”, “dA sách hụi viên”, “tờ cam kết” mà nguyên đơn cung cấp. Bị đơn bà L cũng thừa nhận Hoàng A có tham gia chơi hụi và đã hốt hụi, và cũng biết việc Hoàng A nợ hụi của bà N khi Hoàng A bỏ nhà đi. Điều này thể hiện ở việc ông T chồng bà đã đến gặp bà N để thương lượng trả nợ hụi dần cho bà N (theo đơn giải trình bút lục số 35). Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu A Hoàng A và bà L cùng thanh toán, bà L không đồng ý. Xét thấy trên tất cả các giấy tờ ghi hụi, hốt hụi đều chỉ thể hiện Hoàng A là người tham gia hụi, hốt hụi, tiền hụi bà N giao tại tờ cam kết thể hiện “*tôi họ và tên Bùi Hoàn A vợ họ tên Nguyễn Thị T, mẹ Hoàn A Nguyễn Thúy L... Tôi có hốt chung hụi mùa do*

bà Nguyễn Thị N làm chủ....” và ký tên người hốt hụi là Nguyễn Thị T, thừa kế vợ Nguyễn Thúy L. Tờ cam kết này có nội dung không phù hợp, bởi lẽ người viết tờ cam kết là bà L nhưng nội dung lại ghi tôi “là Hoàn A” nên tờ cam kết trên có nội dung không phù hợp và nguyên đơn cũng không chứng cứ gì chứng minh bà L là người nhận tiền hốt hụi như nguyên đơn trình bày. Lẽ ra, theo giấy cam kết thì người hốt hụi là Hoàn A và người thừa kế là vợ Hoàn A là chị T, bà L chỉ là người chứng kiến việc bà N có giao hụi cho chị T. Và tại phiên tòa chính bà N cũng thừa nhận bà L chỉ viết thay Hoàn A và bà L không sống cùng nhà với Hoàn A vào thời điểm hốt hụi. Hơn nữa, bà L cho rằng mình có ký tên vì khi bà N giao hụi Hoàn A không có mặt ở nhà, khi đó bà đến thăm cháu nên có ký tên chứng kiến, chị T vợ Hoàn A nhận tiền hụi. Lời trình bày của bà L là phù hợp với lời thừa nhận của nguyên đơn. Nên sau khi hốt hụi nguyên đơn cũng thừa nhận Hoàn A là người đóng hụi chết, không phải bà L mà cụ thể sau khi hốt hụi chính Hoàn A đã đóng hụi chết được 04 lần còn nợ lại 04 lần. Do đó, về trách nhiệm thanh toán nợ hụi cho nguyên đơn là của Hoàn A và vợ là chị T, bà L không có trách nhiệm thanh toán nợ hụi. Nhưng do tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu xem xét trách nhiệm thanh toán của chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì vậy, từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không có cơ sở để buộc bà L có trách nhiệm liên đới cùng A Hoàn A thanh toán nợ hụi cho bà N.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 20.000.000 đồng. Xét như đã phân tích nói trên việc tham gia chơi hụi và hốt hụi là do Hoàn A tham gia và đóng hụi chết. Số tiền hụi còn nợ lại hiện bà N buộc trả toàn là 20.000.000 đồng. Nhưng bị đơn là Hoàn A không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh gì khác, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu và lời trình bày của nguyên đơn đối với số tiền hụi chết thực tế Hoàn A còn nợ của 04 kỳ hụi không đóng là 20.000.000 đồng là có cơ sở và căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Hoàn A có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho bà N nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Bà N không phải nộp, bà N là người cao tuổi nên được miễn dự nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 25 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ; các Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N buộc bị đơn anh Bùi Hoàn A có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền nợ hụi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hoàn A không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của bà N buộc bà Nguyễn Thị L liên đới cùng A Bùi Hoàn A thanh toán số tiền nợ hụi.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc anh Bùi Hoàng A phải chịu 1.000.000 đồng (chưa nộp). Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp theo quy định, ngày 29/7/2019 đã được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà N, bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng A, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN**
(Đã ký)

Phạm Kim Cương